

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	<b>13 - 39</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>40</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Trang là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303366525, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 41221000651, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2015 do Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 29 tháng 12 năm 2048.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 37 800 900
- Fax : (84 – 28) 37 800 735

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến thủy, hải sản;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm. Sản xuất, chế biến cà phê, trà;
- Mua bán nông, lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản và thực phẩm. Mua bán thực phẩm công nghệ. Mua bán cà phê, trà;
- Mua bán trang thiết bị máy móc, vật tư phục vụ sản xuất công, nông, ngư nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt;
- Nuôi trồng thủy sản biển và nội địa;
- Tư vấn quản lý kinh doanh, chuyển giao công nghệ;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ nhựa, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe cho trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội), đồ bảo hộ lao động, cravat, mũ, chăn màn, gối, ra trải giường, vali, túi xách, giày dép;
- Mua bán sản phẩm dệt – may, quần áo may sẵn;
- Mua bán phần mềm tin học, phần cứng máy tính;
- Sản xuất phần cứng máy tính;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất, chế biến ngành nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm;
- Gia công đóng gói bao bì: cà phê, trà;
- Sản xuất, chế biến nông, lâm sản;
- Mua bán cao su, nguyên phụ liệu sản phẩm dệt – may;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông David Ho	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Trương Văn Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Khánh Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Nguyễn Minh Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Vũ Thị Minh Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019
Bà Trương Thị Huỳnh Như	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2019

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Văn Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Vinh	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2019).

Bà Nguyễn Minh Nguyệt đã ủy quyền cho Ông Trương Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 002/2021/UQ-TFC ngày 25 tháng 8 năm 2021.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

03004  
CƠ  
ÁCH NH  
ỀM TOÁ  
A  
SINH-



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Trương Văn Quang**  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 9 năm 2021

4987  
IG T  
IEM HC  
NVA 1  
& I  
T.PH

Số: 1.1395/21/TC-AC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 14 tháng 9 năm 2021, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>544.014.256.346</b>	<b>456.556.618.863</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.537.433.807</b>	<b>49.415.030.777</b>
1. Tiền	111	V.1	3.537.433.807	49.415.030.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>89.657.808.961</b>	<b>56.003.008.961</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	299.500.000	299.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	89.358.308.961	55.703.508.961
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>222.601.504.000</b>	<b>259.462.410.962</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	189.617.914.857	226.216.422.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.254.239.945	1.206.217.449
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	4.800.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	24.856.019.086	32.720.507.680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(926.669.888)	(680.736.263)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>218.066.027.347</b>	<b>89.798.964.113</b>
1. Hàng tồn kho	141		220.669.916.227	89.879.000.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.603.888.880)	(80.036.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.151.482.231</b>	<b>1.877.204.050</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.796.641.052	1.858.531.959
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.347.400.452	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	7.440.727	18.672.091
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>128.944.043.069</b>	<b>120.318.930.552</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>90.262.238.072</b>	<b>83.641.638.697</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	56.261.720.000	51.511.720.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34.000.518.072	32.129.918.697
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.149.638.811</b>	<b>24.525.559.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.138.945.286	21.906.441.086
- Nguyên giá	222		78.474.195.176	77.355.778.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.335.249.890)	(55.449.337.715)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	7.006.026.859	2.616.701.857
- Nguyên giá	225		7.334.325.000	2.850.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(328.298.141)	(233.298.143)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	4.666.666	2.416.673
- Nguyên giá	228		366.030.800	360.430.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(361.364.134)	(358.014.127)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.522.287.914</b>	<b>496.895.410</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.522.287.914	496.895.410
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.513.346.745</b>	<b>7.819.271.017</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	3.513.346.745	7.819.271.017
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.496.531.527</b>	<b>3.835.565.812</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4.496.531.527	3.835.565.812
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>672.958.299.415</b>	<b>576.875.549.415</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>478.464.146.946</b>	<b>353.808.403.643</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>471.324.460.971</b>	<b>348.966.251.409</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	97.148.936.951	67.191.428.781
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	278.341	1.508.010.353
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	129.004.464	3.425.708.812
4. Phải trả người lao động	314	V.18	8.637.576.258	11.082.778.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	9.329.309.180	7.228.141.184
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	18.456.807.922	1.642.028.708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	336.498.498.870	256.769.890.972
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.124.048.985	118.264.599
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.139.685.975</b>	<b>4.842.152.234</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	3.463.726.349	1.089.583.316
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	3.675.959.626	3.752.568.918
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

03004  
CÔ  
ÁCH NH  
ỀM TOÁ  
A  
9/11/21

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

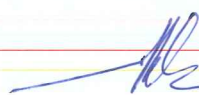
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>194.494.152.469</b>	<b>223.067.145.772</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>194.494.152.469</b>	<b>223.067.145.772</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168.299.940.000	168.299.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	17.173.652.728	17.173.652.728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	9.174.031.205	37.615.898.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.641.733.168	37.615.898.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(10.467.701.963)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.24	(153.471.464)	(22.345.820)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>672.958.299.415</b>	<b>576.875.549.415</b>



Lê Thị Tường Hạnh  
Người lập/Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Quang Vinh  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	316.455.433.158	187.484.488.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.745.548.588	54.648.021
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		314.709.884.570	187.429.840.342
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	288.374.882.247	163.322.423.470
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.335.002.323	24.107.416.872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.974.427.000	5.693.575.152
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.739.128.578	6.296.608.419
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.404.027.463	4.703.714.872
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	(4.305.924.272)	(2.335.736.009)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	11.936.721.544	8.258.975.584
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.723.298.899	18.239.663.426
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.395.643.970)	(5.329.991.414)
12. Thu nhập khác	31		9.480.126	17.740.434
13. Chi phí khác	32	VI.8	40.463.763	1.410.295
14. Lợi nhuận khác	40		(30.983.637)	16.330.139
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.426.627.607)	(5.313.661.275)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	(555.929.047)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	457.385.702
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(10.426.627.607)	(5.215.117.930)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(10.295.501.963)	(4.996.791.205)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(131.125.644)	(218.326.725)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(622)	(307)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(622)	(307)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2021


Lê Thị Tường Hạng  
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toánTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.426.627.607)	(5.313.661.275)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	2.091.501.528	2.338.144.810
- Các khoản dự phòng	03	V.7; V.8	2.769.786.505	80.036.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(426.505.902)	214.991.657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2c, VI.4	411.684.130	(1.622.416.028)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.404.027.463	4.703.714.872
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(176.133.883)	400.810.036
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.240.462.357	69.152.682.240
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(130.790.916.114)	(54.703.552.247)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.925.205.004	10.441.655.981
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.598.717.312)	1.008.781.931
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.20, VI.5	(5.626.705.463)	(4.596.366.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(3.103.153.556)	(3.050.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	-	(20.285.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(79.129.958.967)</b>	<b>18.633.726.069</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, V.13	(2.123.797.364)	(1.449.927.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b, V.5	(43.204.800.000)	(17.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b, V.5	-	7.685.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	817.359.045	905.035.037
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(44.511.238.319)</b>	<b>(10.659.892.488)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	404.604.127.414	217.712.109.166
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(325.038.310.671)	(231.889.825.954)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(1.845.577.254)	(365.750.004)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>77.720.239.489</b>	<b>(14.543.466.792)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(45.920.957.797)</b>	<b>(6.569.633.211)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>49.415.030.777</b>	<b>24.391.147.528</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		43.360.827	(136.356.073)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.537.433.807</b>	<b>17.685.158.244</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2021

Lê Thị Tường Hạnh  
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Vinh  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước nguyên nhân chủ yếu do số lượng đơn hàng gia tăng, tuy nhiên lợi nhuận kỳ này giảm so với kỳ trước do các chi phí bán hàng như chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu tăng nhẹ cũng như khoản lỗ trong công ty liên kết – Công ty TNHH Thực phẩm Dary tăng do công ty này hoạt động kinh doanh tiếp tục bị lỗ.

#### **6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

##### **6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

##### **6b. Công ty con được hợp nhất**

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 75% (số đầu năm là 75%).

##### **6c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 520 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 545 nhân viên).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

### 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 15 năm.

#### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

5-C.1  
Y  
UHAN  
UVAN  
SCHIA

10/10/2021



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 16. **Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

### 18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	183.077.346	729.985.133
Tiền gửi ngân hàng	3.354.356.461	48.685.045.644
<b>Cộng</b>	<b><u>3.537.433.807</u></b>	<b><u>49.415.030.777</u></b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

##### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

##### 2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(23.486.653.255)	(19.180.728.983)
<b>Cộng</b>	<b><u>3.513.346.745</u></b>	<b><u>7.819.271.017</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	7.819.271.017	7.780.443.146
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	(4.305.924.272)	(2.335.736.009)
<b>Cộng</b>	<b><u>3.513.346.745</u></b>	<b><u>5.444.707.137</u></b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Bán nguyên liệu	8.951.121.043	1.111.914.137
Cung cấp dịch vụ gia công	-	374.305.400
Thuê dịch vụ gia công	22.084.141.787	8.838.136.101
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	3.548.552.740	2.137.623.851
Mua nguyên vật liệu	29.099.543.479	49.703.546.153
Mua hàng hóa	2.770.140.520	3.406.563.405
Cho vay	9.550.000.000	11.800.000.000
Lãi cho vay	1.175.529.000	3.053.117.000
Cho mượn	300.000.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>9.114.633.965</i>	<i>729.070.522</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	9.114.633.965	729.070.522
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>180.503.280.892</i>	<i>225.487.351.574</i>
Trangs UK Limited	94.939.942.341	135.106.945.580
Trangs Group USA Incorporated	51.096.503.926	37.911.467.652
Trangs Europe B.V	19.811.519.878	23.306.352.226
Trangs Food Pty Ltd	6.425.484.824	7.053.956.216
Các khách hàng khác	8.229.829.923	22.108.629.900
<b>Cộng</b>	<b><u>189.617.914.857</u></b>	<b><u>226.216.422.096</u></b>

Toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21).

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.21).

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Khánh Sùng	1.685.134.800	-
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	1.033.725.000	88.369.380
Operadora Y Procesadora De Productos Marinos	-	374.690.100
Các nhà cung cấp khác	1.535.380.145	743.157.969
<b>Cộng</b>	<b><u>4.254.239.945</u></b>	<b><u>1.206.217.449</u></b>

### 5. Phải thu về cho vay

#### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất từ 4%/năm đến 8%/năm và thời hạn vay từ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

#### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất từ 4%/năm đến 8%/năm và thời hạn vay từ 2 năm đến 04 năm.

### 6. Phải thu khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Thực Phẩm Dary – Tiền mượn	300.000.000	-	50.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.556.019.086</i>	<i>-</i>	<i>32.670.507.680</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	1.333.307.605	-	969.640.005	-
Lãi tiền gửi dự thu	1.901.352.097	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi cho vay	680.737.500	-	680.737.500	-
Thuế giá trị gia tăng chờ hoàn	17.345.234.573	-	27.590.732.107	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.295.387.311	-	3.429.398.068	-
<b>Cộng</b>	<b>24.856.019.086</b>	<b>-</b>	<b>32.720.507.680</b>	<b>-</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>32.838.824.614</b>	<b>-</b>	<b>31.663.254.890</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Ký cược, ký quỹ	26.470.040.724	-	26.470.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Lãi cho vay	6.368.783.890	-	5.193.254.890	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.161.693.458</b>	<b>-</b>	<b>466.663.807</b>	<b>-</b>
Đặt cọc, ký quỹ dài hạn	713.260.958	-	466.663.807	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	448.432.500	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.000.518.072</b>	<b>-</b>	<b>32.129.918.697</b>	<b>-</b>

**7. Nợ khó thu hồi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Lam Chi - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	109.504.728	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	109.504.728	32.851.418
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Song Thịnh Phát - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	108.142.460	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	108.142.460	32.442.738
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	709.022.700	-	Từ 02 năm đến trên 03 năm	709.022.700	180.639.469
<b>Cộng</b>		<b>926.669.888</b>	<b>-</b>		<b>926.669.888</b>	<b>245.933.625</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	680.736.263	564.308.225
Trích lập dự phòng bổ sung	245.933.625	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>926.669.888</b>	<b>564.308.225</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.453.562.234	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.610.916.411	(325.631.723)	46.084.004.784	-
Công cụ, dụng cụ	2.090.543.186	-	1.971.702.697	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.977.876.585	-	9.183.723.015	-
Thành phẩm	56.935.643.131	(2.147.144.018)	21.583.579.729	-
Hàng hóa	174.464.699	(131.113.139)	129.111.590	(80.036.000)
Hàng gửi đi bán	16.426.909.981	-	10.926.878.298	-
<b>Cộng</b>	<b>220.669.916.227</b>	<b>(2.603.888.880)</b>	<b>89.879.000.113</b>	<b>(80.036.000)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng không có khả năng đưa vào sản xuất, tiêu thụ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	325.631.723	-
Hàng hóa	131.113.139	80.036.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>456.744.862</u></b>	<b><u>80.036.000</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	80.036.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	2.523.852.880	80.036.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.603.888.880</u></b>	<b><u>80.036.000</u></b>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú (xem thuyết minh số V.21).

#### 9. Chi phí trả trước

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	617.808.257	397.733.310
Chi phí sửa chữa	205.318.663	109.033.282
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	973.514.132	1.351.765.367
<b>Cộng</b>	<b><u>1.796.641.052</u></b>	<b><u>1.858.531.959</u></b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	3.425.865.298	3.487.387.906
Chi phí sửa chữa	590.273.466	-
Công cụ, dụng cụ	182.723.535	290.734.835
Các chi phí trả trước dài hạn khác	297.669.228	57.443.071
<b>Cộng</b>	<b><u>4.496.531.527</u></b>	<b><u>3.835.565.812</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.625.381.839	56.155.314.151	5.119.443.074	1.455.639.737	77.355.778.801
Mua trong kỳ	-	1.683.811.000	-	173.000.000	1.856.811.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	235.636.364	-	-	-	235.636.364
Giảm khác	-	(974.030.989)	-	-	(974.030.989)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.861.018.203</b>	<b>56.865.094.162</b>	<b>5.119.443.074</b>	<b>1.628.639.737</b>	<b>78.474.195.176</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.799.633	19.365.578.128	2.164.337.165	1.336.957.919	25.071.672.845
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	8.645.050.460	42.077.800.351	3.352.736.032	1.373.750.872	55.449.337.715
Khấu hao trong kỳ	285.426.689	1.510.394.064	179.735.052	17.595.718	1.993.151.523
Giảm khác	-	(1.107.239.348)	-	-	(1.107.239.348)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.930.477.149</b>	<b>42.480.955.067</b>	<b>3.532.471.084</b>	<b>1.391.346.590</b>	<b>56.335.249.890</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.980.331.379	14.077.513.800	1.766.707.042	81.888.865	21.906.441.086
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.930.541.054</b>	<b>14.384.139.095</b>	<b>1.586.971.990</b>	<b>237.293.147</b>	<b>22.138.945.286</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 903.509.142 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21b).

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.850.000.000	233.298.143	2.616.701.857
Thuê tài chính trong kỳ	4.484.325.000	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	94.999.998	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.334.325.000</b>	<b>328.298.141</b>	<b>7.006.026.859</b>

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	358.014.127	2.416.673
Nâng cấp phần mềm trong kỳ	5.600.000	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	3.350.007	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>366.030.800</b>	<b>361.364.134</b>	<b>4.666.666</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	286.373.600	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	164.800.000	25.750.000	-	-	190.550.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	235.636.364	(235.636.364)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	332.095.410	2.215.195.876	-	(1.215.553.372)	1.331.737.914
<b>Cộng</b>	<b>496.895.410</b>	<b>2.476.582.240</b>	<b>(235.636.364)</b>	<b>(1.215.553.372)</b>	<b>1.522.287.914</b>

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế và chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang bù trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết như sau:

	Lỗ tính thuế <sup>(i)</sup>	Chi phí lãi vay <sup>(ii)</sup>	Cộng
Năm 2016	2.385.996.198	-	2.385.996.198
Năm 2017	2.640.647.965	-	2.640.647.965
Năm 2018	5.199.730.395	-	5.199.730.395
Năm 2019	2.680.322.682	-	2.680.322.682
Năm 2020	606.470.752	-	606.470.752
6 tháng đầu năm 2021	9.376.999.805	1.509.574.465	10.886.574.270
<b>Cộng</b>	<b>22.890.167.797</b>	<b>1.509.574.465</b>	<b>24.399.742.262</b>

(i) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

(ii) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp chi phí lãi vay thực tế phát sinh của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn chi phí lãi vay được trừ theo mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.395.781.685</b>	<b>9.084.306.115</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	1.395.781.685	9.084.306.115
<b>Các nhà cung cấp khác</b>	<b>95.753.155.266</b>	<b>58.107.122.666</b>
Công ty TNHH Nông sản Thực phẩm Thái Loan	6.404.023.800	-
Cơ sở Thái Loan – Nguyễn Hoàng Thơ	222.990.500	9.160.471.300
Các nhà cung cấp khác	89.126.140.966	48.946.651.366
<b>Cộng</b>	<b>97.148.936.951</b>	<b>67.191.428.781</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Noramix Trade AS	-	1.494.959.976
Các khách hàng khác	278.341	13.050.377
<b>Cộng</b>	<b>278.341</b>	<b>1.508.010.353</b>

4987  
IG T  
IEM H  
NVA T  
& I  
T.P.W



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	43.161.131	-	96.131.989	(88.368.656)	50.924.464	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	5.013.558	(5.013.558)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	8.076.799	(8.076.799)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.103.153.556	-	-	(3.103.153.556)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	279.394.125	18.672.091	772.486.663	(962.569.424)	78.080.000	7.440.727
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.800.000	(7.800.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.425.708.812</b>	<b>18.672.091</b>	<b>895.509.009</b>	<b>(4.180.981.993)</b>	<b>129.004.464</b>	<b>7.440.727</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

#### 18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

#### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng môi giới	8.652.322.583	7.224.209.012
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	676.986.597	3.932.172
<b>Cộng</b>	<b>9.329.309.180</b>	<b>7.228.141.184</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>31.033.000</b>	<b>253.711.000</b>
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Chi phí lãi vay phải trả	31.033.000	31.033.000
Các thành viên Hội đồng quản trị – Chi phí lãi vay phải trả	-	222.678.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>18.425.774.922</b>	<b>1.388.317.708</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.417.756.922	1.197.324.458
Cổ tức phải trả	17.002.543.000	172.549.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.475.000	18.444.250
<b>Cộng</b>	<b>18.456.807.922</b>	<b>1.642.028.708</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 21. Vay và nợ thuê tài chính

#### 21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>10.618.000.000</b>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt	-	10.618.000.000
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>336.498.498.870</b>	<b>246.151.890.972</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	334.723.961.649	245.237.890.964
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	82.318.392.849	89.388.461.454
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	69.544.998.600	54.826.143.128
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 <sup>(iii)</sup>	69.070.201.200	68.910.015.722
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(iv)</sup>	46.109.679.000	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam <sup>(iv)</sup>	46.086.810.000	23.060.623.000
Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	12.938.310.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	8.655.570.000	9.052.647.660
Vay ngắn hạn cá nhân	250.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Anh Duy <sup>(v)</sup>	250.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	160.000.000	182.500.000
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	160.000.000	182.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.21b)	1.364.537.221	731.500.008
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease	731.500.008	731.500.008
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	633.037.213	-
<b>Cộng</b>	<b>336.498.498.870</b>	<b>256.769.890.972</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.8).



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trang's Food Pty Ltd, hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.3 và V.8).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem các thuyết minh số V.2b, V.3 và V.8).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Nguyễn Anh Duy để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm do chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	245.237.890.964	404.354.127.414	-	(314.317.810.671)	(550.246.058)	334.723.961.649
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.618.000.000	250.000.000	-	(10.618.000.000)	-	250.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	182.500.000	-	80.000.000	(102.500.000)	-	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	731.500.008	-	998.787.217	(365.750.004)	-	1.364.537.221
<b>Cộng</b>	<b>256.769.890.972</b>	<b>404.604.127.414</b>	<b>1.078.787.217</b>	<b>(325.404.060.675)</b>	<b>(550.246.058)</b>	<b>336.498.498.870</b>

#### 21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	400.000.000	480.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	400.000.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	3.063.726.349	609.583.316
Công ty Cho thuê tài chính TNHH Quốc tế Chailease <sup>(iii)</sup>	2.819.893.037	-
<b>Cộng</b>	<b>3.463.726.349</b>	<b>1.089.583.316</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia (xem thuyết minh V.10).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (ii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
- (iii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.
  - Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Tổng nợ</b>	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	560.000.000	160.000.000	400.000.000
Nợ thuê tài chính	4.428.263.570	1.364.537.221	3.063.726.349
<b>Cộng</b>	<b>4.988.263.570</b>	<b>1.524.537.221</b>	<b>3.463.726.349</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	662.500.000	182.500.000	480.000.000
Nợ thuê tài chính	1.341.083.324	731.500.008	609.583.316
<b>Cộng</b>	<b>2.003.583.324</b>	<b>914.000.008</b>	<b>1.089.583.316</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Vay dài hạn ngân hàng	480.000.000	-	-	(80.000.000)	400.000.000
Nợ thuê tài chính	609.583.316	4.932.757.500	(1.479.827.250)	(998.787.217)	3.063.726.349
<b>Cộng</b>	<b>1.089.583.316</b>	<b>4.932.757.500</b>	<b>(1.479.827.250)</b>	<b>(1.078.787.217)</b>	<b>3.463.726.349</b>

#### 21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	118.264.599	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.005.784.386	326.958.565
Giảm khác	-	(188.693.966)
Chi quỹ	-	(20.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.124.048.985</u></b>	<b><u>118.264.599</u></b>

### 23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.752.568.918	3.628.183.430
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	457.385.702
Giảm khác	(76.609.292)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.675.959.626</u></b>	<b><u>4.085.569.132</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### 24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b><u>168.299.940.000</u></b>	<b><u>168.299.940.000</u></b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22,02	37.061.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	31,95	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b><u>168.299.940.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>168.299.940.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 24d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 29 tháng 6 năm 2021 với số tiền là 1.005.784.386 VND. Theo nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 với mức cổ tức là 16.829.994.000 VND.

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng đã trích thù lao của Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2021 từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 172.200.000 VND.

### 25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	122.967,05	1.979.817,81
Bảng Anh (GBP)	108,4	108,34
Euro (EUR)	4,9	4,89

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	306.569.201.665	186.019.198.727
Doanh thu bán nguyên vật liệu	9.886.231.493	1.465.289.636
<b>Cộng</b>	<b>316.455.433.158</b>	<b>187.484.488.363</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	136.128.848	-
Hàng bán bị trả lại	1.609.419.740	54.648.021
<b>Cộng</b>	<b>1.745.548.588</b>	<b>54.648.021</b>

### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	276.444.304.830	162.232.664.951
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	9.406.724.537	1.009.722.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.523.852.880	80.036.000
<b>Cộng</b>	<b>288.374.882.247</b>	<b>163.322.423.470</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.718.711.142	905.035.037
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.478	218.899
Lãi tiền cho vay	1.175.529.000	3.053.117.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.653.445.478	1.735.204.216
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	426.505.902	-
<b>Cộng</b>	<b>5.974.427.000</b>	<b>5.693.575.152</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.404.027.463	4.703.714.872
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.335.101.115	1.377.901.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	214.991.657
<b>Cộng</b>	<b>7.739.128.578</b>	<b>6.296.608.419</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.594.372.161	1.673.328.276
Chi phí vật liệu, bao bì	819.549.967	474.660.864
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.675.500	11.204.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.797.811	39.000.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.065.399.862	3.918.430.425
Các chi phí khác	2.400.926.243	2.142.351.671
<b>Cộng</b>	<b>11.936.721.544</b>	<b>8.258.975.584</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.829.930.948	12.559.086.693
Chi phí đồ dùng văn phòng	349.413.545	736.619.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	150.132.713	379.971.120
Thuế, phí và lệ phí	441.778.650	361.261.572
Dự phòng phải thu khó đòi	245.933.625	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.866.367.016	842.041.202
Các chi phí khác	1.839.742.402	3.360.683.226
<b>Cộng</b>	<b>18.723.298.899</b>	<b>18.239.663.426</b>

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao các tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý	1.875.000	312.480
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	996.951
Các chi phí khác	38.588.763	100.864
<b>Cộng</b>	<b>40.463.763</b>	<b>1.410.295</b>

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	457.385.702
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>457.385.702</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(10.295.501.963)	(4.996.791.205)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(172.200.000)	(168.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(10.467.701.963)	(5.164.791.205)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.829.994	16.829.994
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(622)</b>	<b>(307)</b>

#### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	274.794.473.214	147.791.237.488
Chi phí nhân công	76.565.726.111	52.058.443.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.091.501.528	2.338.144.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.727.025.625	11.299.600.829
Chi phí khác	5.659.740.834	6.263.366.150
<b>Cộng</b>	<b>377.838.467.312</b>	<b>219.750.792.330</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Đi vay	-	3.000.000.000
Chi phí lãi vay	445.269.967	807.666.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20 và V.21a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong kỳ là 2.667.242.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.261.219.000 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH Thực phẩm Dary là công ty liên kết.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.15.

### 2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2021

**Lê Thị Tường Hạnh**  
Người lập/Kế toán trưởng

**Nguyễn Quang Vinh**  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán



**Trương Văn Quang**  
Tổng Giám đốc

815-C  
TY  
HỮU HẠ  
À TỰ VÌ  
C  
HỒ CHÍ



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	22.589.780.841	276.412.197	208.339.785.766
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(4.996.791.205)	(218.326.725)	(5.215.117.930)
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	(326.958.566)	-	(326.958.566)
Trích thưởng Hội đồng quản trị trong kỳ trước	-	-	(168.000.000)	-	(168.000.000)
Giảm khác	-	-	(159.112.639)	-	(159.112.639)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>16.938.918.431</b>	<b>58.085.472</b>	<b>202.470.596.631</b>
Số dư đầu năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	37.615.898.864	(22.345.820)	223.067.145.772
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(10.295.501.963)	(131.125.644)	(10.426.627.607)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	(1.005.784.386)	-	(1.005.784.386)
Trích thù lao Hội đồng quản trị trong kỳ này	-	-	(172.200.000)	-	(172.200.000)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(16.829.994.000)	-	(16.829.994.000)
Giảm khác	-	-	(138.387.310)	-	(138.387.310)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>17.173.652.728</b>	<b>9.174.031.205</b>	<b>(153.471.464)</b>	<b>194.494.152.469</b>

Lê Thị Tường Hạnh  
Người lập/Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Quang Vinh  
Trưởng Phòng Tài chính- Kế toán

Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

